TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN
TỈNH LÀO CAI

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 11/9/2020.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Triệu Vĩnh Thái;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Vương Thị Thu và bà Lý Thị Ngân;

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Nông Thị Mới - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2020/TLST-HNGĐ ngày 04/5/2020 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lự Xuân N, sinh năm 1997.

Nơi ĐKHKTT: Thôn 2 M, xã M, huyện V, tỉnh L.
Nơi tạm trú: Thôn Ô, xã Đ, huyện Y, tỉnh B - Vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Lự Xuân N: Bà Lương Thị C, sinh năm 1991 - Trợ giúp viên, trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1995. Nơi ĐKHKTT: Thôn 2 M, xã M, huyện V, tỉnh L - Vắng mặt không lý do.

3. Những người làm chứng:

3.1 Ông Hoàng Văn P, sinh năm 1967 - Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện V, tỉnh L.

3.2 Bà Vương Thị T, sinh năm 1975 - Vắng mặt.

3.3 Ông Lương Văn B, sinh năm 1965 - Vắng mặt.

3.4 Ông La Đức H, sinh năm 1972 - Vắng mặt.

Đều cư trú: Thôn T, xã D, huyện V, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Nguyên đơn chị Lự Xuân N trình bày về quan hệ hôn nhân: Chị Lự Xuân N và anh Hoàng Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014, nhưng đến ngày 04/3/2016 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh L. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ không chịu tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau. Do vậy, từ khoảng tháng 6/2017 chị N đã đưa theo con thứ hai là cháu Hoàng Anh T cùng về nhà bố mẹ đẻ tại thôn 8 (nay là thôn T), xã D, huyện V, tỉnh L sinh sống. Sau đó anh Đ cũng thỉnh thoảng có về sinh sống cùng. Mặc dù mỗi người sống một nơi và chị N đã cho anh Đ cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Đ vẫn không thay đổi tính cách, mỗi lần gặp nhau anh chị đều cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng thêm. Vì vậy, từ tháng 11/2018 chị N đi làm xa ở tỉnh B, anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị N đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn giải quyết cho chị đươc ly hôn với anh Hoàng Văn Đ.

Về nuôi con chung: Chị N và anh Đ có 02 người con chung là cháu Hoàng Phương A, sinh ngày 26/8/2014 và cháu Hoàng Đình T, sinh ngày 22/01/2016. Khi ly hôn chị N đề nghị Tòa án giao cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Đình T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Hoàng Phương A cho anh Hoàng Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị N và anh Đ không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về chia tài sản chung, nợ chung*: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Hoàng Văn Đ trình bày: Về quan hệ hôn nhân anh Đ thống nhất lời trình bày của chị N về thời gian chung sống và kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng khúc mắc nhau trong sinh hoạt và cách làm ăn kinh tế. Cuối tháng 6/2017 chị N tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh Đ nhiều lần về đón chị N để vợ chồng về chung sống cùng nhau nhưng chị N đều không về, những lần đó vợ chồng đều xảy ra cãi, chửi nhau. Anh Đ cho rằng giữa vợ chồng chưa mâu thuẫn trầm trọng. Do đó, anh Đ không đồng ý ly hôn chị N.

Về nuôi con chung: Anh Đ và chị N có 02 người con chung là cháu Hoàng Phương A, sinh ngày 26/8/2014 và cháu Hoàng Đình T, sinh ngày 22/01/2016. Nếu phải ly hôn anh Đ đề nghị Tòa án giao cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu Hoàng Đình T, Hoàng Phương A cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- *Về chia tài sản chung, nợ chung*: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu phía bị đơn anh Đ giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp nhưng phía bị đơn không thực hiện, vì vậy Tòa án đã tiến hành xác minh về mức thu nhập của bị đơn, xác minh và lấy lời khai của người làm chứng tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ 02 thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng phía bị đơn anh Đ từ chối nhận văn bản và không có mặt tại phiên họp. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm

tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt bị đơn và vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn mở phiên tòa sơ thẩm để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

1/ Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm quy định tại khoản 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 229 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Xử chị Lự Xuân N được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ.

Về quan hệ con chung: Giao cho chị Lự Xuân N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Đình T, sinh ngày 22/01/2016 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Giao cho anh Hoàng Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Phương A, sinh ngày 26/8/2014 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Chị N, anh Đ không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Nguyên đơn chị Lự Xuân N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

2/ Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Lự Xuân N:

- Về quan hệ hôn nhân: Tình cảm vợ chồng giữa chị Lự Xuân N và anh Hoàng Văn Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án cho chị Lự Xuân N được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ.

- Về con chung: Xét thấy công việc, thu nhập và điều kiện kinh tế của các đương sự đề nghị Tòa án giao cho chị Lự Xuân N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Đình T, sinh ngày 22/01/2016 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Giao cho anh Hoàng Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Phương A, sinh ngày 26/8/2014 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Chị N, anh Đ không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về Tố tụng:

[1.1] Về áp dụng pháp luật: Nguyên đơn chị Lự Xuân N có đơn xin xét xử vắng mặt; Anh Hoàng Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn

cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[1.2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo chị Lự Xuân N yêu cầu tranh chấp Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung. Xét thấy, bị đơn anh Hoàng Văn Đ cư trú tại Thôn M, xã M, huyện V, tỉnh L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy, chị Lự Xuân N và anh Hoàng Văn Đ có đăng ký kết hôn ngày 04/3/2016 tại ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh L nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, do giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên nay chị N yêu cầu ly hôn với anh Đ. Anh Đ cho rằng còn tình cảm với chị N nên không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy:

Lời khai của nguyên đơn chị Lự Xuân N, bị đơn anh Hoàng Văn Đ, lời khai của những người làm chứng Lương Văn P, Vương Thị T, Vương Văn B, La Đức H đều xác định: Từ đầu năm 2017 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau. Từ khoảng tháng 6/2017 chị N đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn 8 (nay là thôn T), xã D, huyện V, tỉnh L sinh sống, anh Đ thỉnh thoảng về sinh sống cùng chị N nhưng mỗi lần đều mâu thuẫn cãi chửi nhau. Từ tháng 11/2018 anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía. Đối với anh Đ mặc dù cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng nhưng cũng chưa có giải pháp nào thay đổi tình trạng chị N bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, vợ chồng chưa có tiếng nói chung, thời gian ly thân đã lâu, tình cảm phai nhạt, khó hàn gắn. Mặt khác quá trình giải quyết vụ án, anh Đ không tham gia phiên hòa giải chứng tỏ không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, hôn nhân giữa chị N và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N về việc ly hôn anh Đ.

[3] Về nuôi con chung: Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn chị Lự Xuân N và bị đơn anh Hoàng Văn Đ đều là chính đáng.

Về yêu cầu của nguyên đơn chị Lự Xuân N đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Hoàng Đình T, sinh ngày 22/01/2016 cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hội đồng xét xử thấy: Bản thân chị N có mức thu nhập khá là khoảng 10.000.000đ/tháng, thực tế cháu T đã sống cùng chị thời gian dài đến tháng 11/2019, vì lý do cháu không có hộ khẩu tại xã D nên chị N đã đưa cháu về xã M để cháu được đi học lớp mầm non, điều đó cũng là đảm bảo quyền lợi của cháu. Khi cháu T về sống cùng anh Đ thì chị luôn quan tâm đến cháu về vật chất cũng như tinh thần và chị N dự định sau khi ly hôn sẽ về nhà bố mẹ đẻ làm ăn sinh sống để nuôi con. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của cháu T cần chấp nhận yêu cầu của chị N là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về yêu cầu của bị đơn anh Hoàng Văn Đ đề nghị Tòa án giao cả hai cháu Hoàng Phương A, sinh ngày 26/8/2014 và cháu Hoàng Đình T, sinh ngày 22/01/2016 cho bị đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá

trình tham gia tố tụng, phía bị đơn không cung cấp xác nhận về mức thu nhập của mình theo yêu cầu của tòa án. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành xác minh, theo cung cấp của UBND xã M xác định bị đơn có thu nhập khoảng 4.500.000đ - 5.000.000đ/tháng. Với mức thu nhập này, Hội đồng xét xử không có căn cứ để giao cả 02 cháu cho phía bị đơn, chỉ có căn cứ giao cháu Hoàng Phương A cho phía bị đơn chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết là phù hợp.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Lự Xuân N.

- Về hôn nhân: Chị Lự Xuân N được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Đình T, sinh ngày 22/01/2016 cho chị Lự Xuân N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Giao cháu Hoàng Phương A, sinh ngày 26/8/2014 cho anh Hoàng Văn Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Chị Lự Xuân N và anh Hoàng Văn Đ không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.Về án phí: Nguyên đơn chị Lự Xuân N phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AB/2012/0007053 ngày 04/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị Lự Xuân N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn anh Hoàng Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận
- TAND Tỉnh(01);
- VKSND tỉnh(01);
- VKSND huyện(01)
- UBND xã M(01);
- Các đương sự(01);
- NBV quyền & lợi ích hợp pháp ĐS;
- Lưu HS, Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Vĩnh Thái